

Giải pháp thực hiện có hiệu quả CƠ CHẾ LÃI SUẤT CHO VAY THỎA THUẬN BẰNG VND GIỮA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ KHÁCH HÀNG

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ Đảng Khoá IX về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010 đã đề ra chủ trương: "Các tổ chức tín dụng (NHTM quốc doanh, ngân hàng cổ phần...) hoạt động dưới nhiều hình thức đa dạng ở nông thôn với lãi suất thỏa thuận...". Chủ trương này đặt ra yêu cầu bỏ cơ chế điều hành lãi suất cơ bản hiện nay, chuyển sang cơ chế lãi suất thỏa thuận hay còn gọi là cơ chế lãi suất thị trường. Đây là vấn đề lớn, mang dấu ấn có tính bước ngoặt trong điều hành chính sách tiền tệ, tác động đến thị trường tài chính - tiền tệ, cần có sự nghiên cứu, trao đổi nhằm tạo nên sự đồng thuận và đề xuất giải pháp thích hợp.

1. Một số vấn đề về lãi suất và kinh nghiệm của các nước

Nguyễn Đồng Tiến *

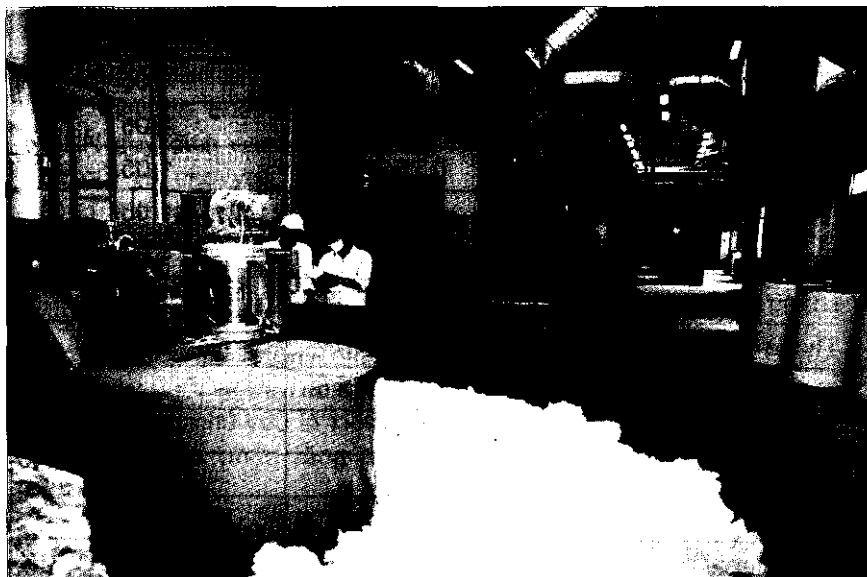
Thực hiện cơ chế lãi suất thị trường

Trong nền kinh tế thị trường, lãi suất là giá cả của tiền tệ, được hình thành chủ yếu do quan hệ cung - cầu vốn trên thị trường. Đối với các tổ chức trung gian tài chính, lãi suất là yếu tố "đầu vào", "đầu ra" và là công cụ cạnh tranh trên thị trường tiền tệ. Đối với hoạt động kinh tế vĩ mô, lãi suất là một trong những công cụ kiểm soát và điều tiết thị trường nhằm ổn định và thúc đẩy nền kinh tế phát triển, thể hiện ở vai trò của nó: (1) Tạo động lực kích thích tiết kiệm, phân bổ các nguồn vốn tài chính, góp phần giữ vững các cân đối kinh tế chủ yếu trong nền kinh tế, kiểm chế lạm phát, ổn định tiền tệ về giá trị đối nội và đối ngoại; (2) Tạo điều kiện cho sự phát triển của các TCTD,

hướng các khoản vốn tín dụng vào các lĩnh vực hoạt động có hiệu quả và tỷ suất lợi nhuận cao nhất, đảm bảo cho các TCTD trang trải được chi phí hoạt động, bù đắp rủi ro và có lợi nhuận; (3) Góp phần tạo nên cân đối cung - cầu tiền tệ, kiểm chế lạm phát, ổn định tiền tệ về giá trị đối nội và đối ngoại.

Lãi suất là một phạm trù kinh tế tổng hợp, chịu tác động của các nhân tố chủ yếu: Quan hệ cung - cầu về vốn; mức độ rủi ro; lạm phát; tỷ suất lợi nhuận bình quân của nền kinh tế; mức biến động của tỷ giá; lãi suất thị trường quốc tế; chi phí quản lý kinh doanh bình quân của các TCTD, bao gồm cả chính sách thuế của Nhà nước đối với tiền gửi dân cư và hoạt động tín dụng ngân hàng. Đây là các nhân tố được lượng hoá để xác định tính hợp lý và dự báo chiều hướng biến động của lãi suất thị trường, từ đó NHTƯ có sự tác động thích hợp thông qua việc điều hành các công cụ chính sách tiền tệ để hướng cho lãi suất biến động phù hợp với mục tiêu của chính sách tiền tệ.

Đối với NHTƯ các nước, việc sử dụng công cụ lãi suất đều trải qua quá trình từ can thiệp bằng quy định mang tính hành chính - kiểm soát lãi suất trực tiếp, rồi tiến tới tự do hoá lãi suất hay cơ chế lãi suất thị trường. Trong những thập kỷ cuối thế kỷ XX, nền kinh tế thế giới có sự phát triển vượt bậc, hầu hết các nước thực hiện chính sách kinh tế "mở" theo xu hướng toàn cầu hoá; thị trường tài chính - tiền



Doanh nghiệp chủ động tính toán hiệu quả vốn vay theo cơ chế lãi suất cho vay thỏa thuận

Ảnh: Mạnh Hùng

* Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN

tế phát triển theo hướng tự do hoá nhằm hội nhập và khai thác khả năng đáp ứng nhu cầu phát triển nền kinh tế, NHTU ở nhiều nước đã chuyển sang điều hành theo cơ chế lãi suất thị trường và coi đó là giải pháp quan trọng, có tính "hạt nhân" để thúc đẩy sự phát triển thị trường tài chính theo chiều sâu.

Về bước đi tiến tới cơ chế lãi suất thị trường, mỗi nước tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng, mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường để lựa chọn bước đi nhanh hoặc bước đi dần dần theo lộ trình đã vạch ra từ trước, nhằm tránh cho thị trường tài chính những tổn thương có thể xảy ra, các doanh nghiệp, tổ chức tài chính trong nước có thời gian để thích nghi, điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của thị trường.

Trình tự thực hiện cơ chế lãi suất thị trường tuy có sự khác nhau giữa các nước, nhưng phần lớn các nước áp dụng cơ chế lãi suất thị trường đối với lãi suất cho vay trước, rồi đến lãi suất tiền gửi mà trước tiên là lãi suất dài hạn, tiếp đến là lãi suất ngắn hạn nhằm tránh các thay đổi lớn về cơ cấu đầu tư và ổn định lãi suất tăng cường sự phân bổ nguồn lực tài chính nhanh hơn. Một số nước thực hiện cơ chế lãi suất thị trường theo trình tự có phần ngược lại, nghĩa là áp dụng cơ chế lãi suất thị trường đối với lãi suất tiền gửi trước, rồi đến lãi suất cho vay.

Vấn đề quan trọng, có tính lý luận và thực tiễn được rút ra từ kinh nghiệm của các nước khi quyết định chuyển sang cơ chế lãi suất thị trường là cần xem xét, cân nhắc các điều kiện chủ yếu:

(1) Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định sẽ làm giảm áp lực tăng lãi suất, khi không còn bị khống chế, đảm bảo cho nền kinh tế chịu đựng được các tác động ở bên trong và từ bên ngoài đối với nền kinh tế;

(2) Hệ thống tài chính lành mạnh, an toàn để đảm bảo hoạt

động của các TCTD được vững vàng trước sự cạnh tranh trên thị trường tiền tệ khi thực hiện lãi suất thị trường;

(3) NHTU có khả năng giám sát và điều hành chính sách tiền tệ để phản ứng kịp thời trước biến động bất thường của thị trường tài chính - tiền tệ do việc thực hiện cơ chế lãi suất thị trường, tạo lòng tin đối với công chúng và các nhà đầu tư đối với thị trường tài chính;

(4) Tài chính công mạnh thể hiện ở thâm hụt ngân sách Nhà nước ở giới hạn cho phép và Chính phủ không sử dụng tiền phát hành để chi tiêu;

(5) Chính sách tỷ giá linh hoạt

và sự ổn định của thị trường tiền tệ thế giới: Cơ chế lãi suất thị trường gắn liền với chế độ tỷ giá linh hoạt, làm cho quan hệ lãi suất nội tệ và lãi suất ngoại tệ không bị bóp méo, tránh tác động xấu đối với thị trường tiền tệ trong nước.

Vấn đề không kém phần quan trọng, cần xem xét từ kinh nghiệm của các nước là những hiện tượng, khó khăn không lường trước được có thể xảy ra khi thực hiện cơ chế lãi suất thị trường, đó là:

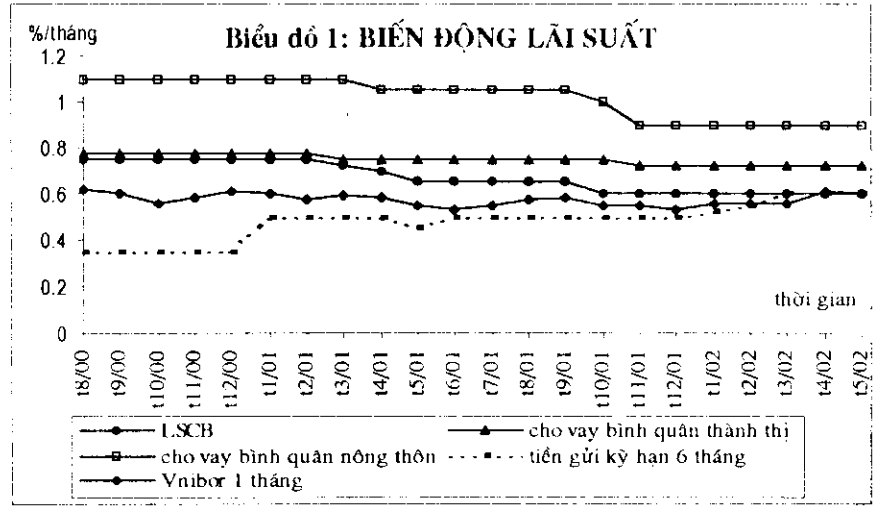
- Ngay sau khi tự do hoá lãi suất, các NHTM đã bắt đầu cạnh tranh lãi suất tiền gửi bằng cách đưa ra lãi suất cao, các NHTM có quy mô hoạt động nhỏ gặp khó

Bảng 1: Diễn biến lãi suất cơ bản và lãi suất cho vay của các TCTD từ tháng 8/2000 đến tháng 5/2002

Đơn vị: %/tháng

Tháng	Lãi suất cơ bản	Lãi suất cho vay b/q thị trường thành thị	Lãi suất cho vay b/q thị trường nông thôn
Tháng 8/2000	0,75	0,775	1,10
Tháng 9	0,75	0,775	1,10
Tháng 10	0,75	0,775	1,10
Tháng 11	0,75	0,775	1,10
Tháng 12	0,75	0,775	1,10
Tháng 1/2001	0,75	0,775	1,10
Tháng 2	0,75	0,775	1,10
Tháng 3	0,725	0,75	1,10
Tháng 4	0,7	0,75	1,05
Tháng 5	0,65	0,75	1,05
Tháng 6	0,65	0,75	1,05
Tháng 7	0,65	0,75	1,05
Tháng 8	0,65	0,75	1,05
Tháng 9	0,65	0,75	1,05
Tháng 10	0,6	0,75	1,00
Tháng 11	0,6	0,725	0,9
Tháng 12	0,6	0,725	0,9
Tháng 1/2002	0,6	0,725	0,9
Tháng 2	0,6	0,725	0,9
Tháng 3	0,6	0,725	0,9
Tháng 4	0,6	0,725	0,9
Tháng 5	0,6	0,725	0,9

Nguồn: NHNN Việt Nam



khản về thanh khoản, có thể mất khả năng thanh toán;

- Cùng thời gian thực hiện cơ chế lãi suất thị trường, thì nhu cầu về vốn lớn phục vụ cho tăng trưởng kinh tế cao, các điều kiện kinh tế bị xấu đi và lãi suất thị trường bắt đầu tăng mạnh, dẫn tới việc NHTƯ phải áp dụng trở lại việc kiểm soát về lãi suất, tạm thời ngừng việc thực hiện cơ chế lãi suất thị trường.

2. Cơ chế điều hành lãi suất VND trong thời gian qua

Từ năm 1991, hệ thống ngân hàng chuyển sang mô hình 2 cấp, trong hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ, NHNN sử dụng và điều hành linh hoạt công cụ lãi suất phù hợp mục tiêu ngắn hạn, dài hạn và theo lộ trình tiến tới cơ chế lãi suất thị trường:

- Giai đoạn từ 1991 - 6/1992: Thực hiện cơ chế lãi suất "âm", NHNN quy định các mức lãi suất tiền gửi và cho vay, mục tiêu là chống khủng hoảng, chống lạm phát.

- Giai đoạn từ tháng 6/1992-1995: Thực hiện cơ chế lãi suất thực dương, NHNN quy định sàn lãi suất tiền gửi và trần lãi suất cho vay, mục tiêu chủ yếu là kiềm chế lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế.

- Giai đoạn 1996-7/2000: Tiếp tục cơ chế lãi suất thực dương nhưng "nới lỏng hơn" bằng việc thực hiện cơ chế trần lãi suất cho

vay, có áp dụng một số mức trần khác nhau cho khu vực thành thị, nông thôn.

- Giai đoạn từ tháng 8/2000 đến tháng 5/2002: Chuyển sang cơ chế lãi suất cơ bản theo quy định của Luật NHNN Việt Nam "Lãi suất cơ bản là lãi suất do NHNN công bố làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh". Theo đó, từ tháng 8/2000, NHNN công bố lãi suất cơ bản hằng tháng, các TCTD ấn định lãi suất cho vay không vượt quá biên độ 0,3%/tháng đối với cho vay ngắn hạn, 0,5%/tháng đối với cho vay trung, dài hạn; việc xác định và công bố lãi suất cơ bản dựa vào tham khảo lãi suất cho vay ngắn hạn thông thường trên thị trường, diễn biến về lãi suất và tiền tệ ở thị trường trong và ngoài nước; diễn biến kinh tế vĩ mô.

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2000 đến 5/2002, lãi suất cơ bản

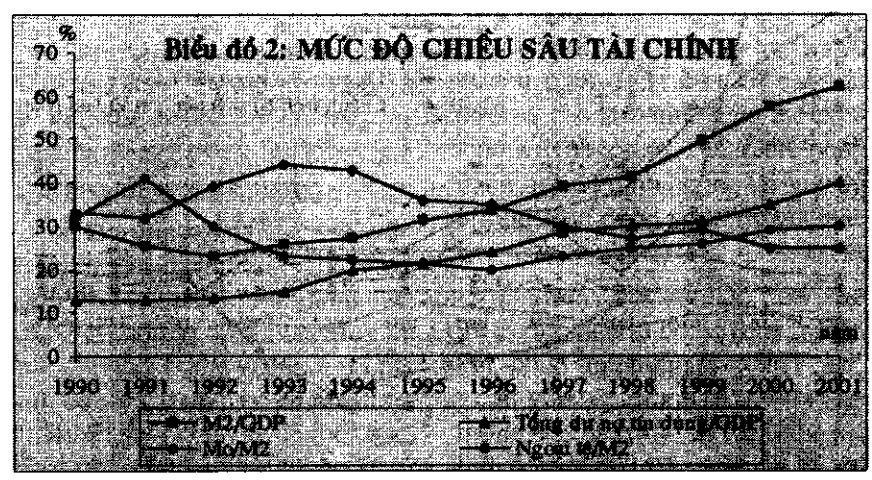
điều chỉnh tương đối phù hợp với việc thực thi chính sách tiền tệ "nới lỏng" một cách thận trọng; với biên độ khá rộng, tạo điều kiện cho các TCTD ấn định lãi suất cho vay phù hợp với quan hệ cung - cầu vốn ở thị trường ở thành thị và nông thôn (xem Bảng 1, Biểu đồ 1).

Có thể thấy rằng cơ chế điều hành lãi suất được thực thi trong thời gian qua là quá trình tiến tới mục tiêu cơ chế lãi suất thỏa thuận với "bước đi dần dần - nới lỏng từng bước" và cùng với quá trình này, NHNN điều hành linh hoạt hơn lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu, áp dụng công cụ nghiệp vụ thị trường mở và một số công cụ khác.

3. Tác động tích cực và tính tất yếu của việc thay đổi cơ chế lãi suất theo hướng thị trường

Đối với các nước, việc thực hiện cơ chế lãi suất thị trường là yếu tố có tính "hạt nhân" để thúc đẩy thị trường tài chính phát triển theo chiều sâu, làm tăng tính cạnh tranh, thúc đẩy các dịch vụ tài chính phát triển, góp phần ổn định và phát triển kinh tế vĩ mô, hội nhập kinh tế quốc tế (thể hiện ở chỉ tiêu M2/GDP - phản ánh mức độ huy động vốn trong nước của khu vực tài chính chính thức tăng lên, như Thái Lan tăng từ 52% lên 80% năm 1994, Singapore tăng từ 58% lên 84,4% so sánh giữa trước và sau thời điểm tự do hoá lãi suất...).

Đối với Việt Nam, quá trình thay



đối cơ chế lãi suất theo hướng thị trường có những tác động tích cực đối với kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính - tiền tệ, biểu hiện như sau:

Một là, việc "nới lỏng" cơ chế điều hành lãi suất theo hướng thị trường đã tạo khả năng cho thị trường tài chính phát triển theo chiều sâu, thể hiện trong biểu đồ biến động tăng chỉ tiêu M2/GDP (xem Biểu đồ 2).

Hai là, thay đổi của chính sách lãi suất là phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, nhưng cũng chính yêu cầu phát triển nền kinh tế, tiền tệ hoá các mối quan hệ kinh tế và sự hình thành các nhân tố kinh tế thị trường đã buộc chính sách lãi suất phải có sự "nới lỏng" để chuyển dần sang cơ chế lãi suất thỏa thuận nhằm tạo điều kiện cho việc huy động tối đa nguồn lực trong nước phục vụ cho đầu tư phát triển và đồng bộ với tổng thể chính sách kinh tế - tài chính - đối ngoại (vốn huy động và tín dụng đối với nền kinh tế tăng trưởng trên 20%/năm; vốn tín dụng cung ứng cho nền kinh tế tuy tăng trưởng mức cao, năm 1991 tương đương 21% GDP, năm 2001 là 40%) (xem Biểu đồ 3).

Ba là, việc "nới lỏng" cơ chế lãi

suất, làm cho lãi suất tự điều chỉnh linh hoạt và phù hợp hơn với quan hệ cung - cầu vốn thị trường, các luồng vốn được lưu chuyển đến nơi có lợi nhuận cao với mức rủi ro thấp, nâng cao hiệu quả đầu tư thúc đẩy việc các NHTM phát triển nhanh chóng mạng lưới chi nhánh ở thành thị, nông thôn, đưa ra các mức lãi suất, sản phẩm dịch vụ thích hợp cho các khách hàng. Điều này sẽ rất hạn chế, như thực tế những năm 1991 - 1995, NHNN khống chế chặt chẽ mức trần lãi suất cho vay ở mức thấp đã khuyến khích sự vay mượn lòng vòng trên thị trường không chính thức, trốn tránh sự kiểm soát, lãi suất tiền gửi tăng, nhưng lãi suất cho vay lại không tăng được và chênh lệch lãi suất chỉ đủ bù đắp chi phí kinh doanh, lợi nhuận rất thấp, khả năng tài chính của các NHTM bị yếu đi, dễ gây xáo trộn, tổn thương cho thị trường tài chính.

Bốn là, quá trình chuyển dần sang cơ chế lãi suất thỏa thuận đi liền với quá trình "nới lỏng" kiểm soát ngoại hối và thực hiện chế độ tỷ giá linh hoạt làm cho lãi suất trong nước bám sát hơn lãi suất quốc tế, việc huy động vốn ở trong nước và từ nước ngoài tăng lên để tài trợ cho nhu cầu tín dụng trong nước.

Năm là, quá trình chuyển dần sang cơ chế lãi suất thỏa thuận làm cho mức biến động ngày càng tăng của các luồng vốn đầu tư, NHNN phải sử dụng và phát huy nhiều hơn các công cụ gián tiếp để điều hành chính sách tiền tệ, tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng và phát triển đồng đều các bộ phận của thị trường tiền tệ.

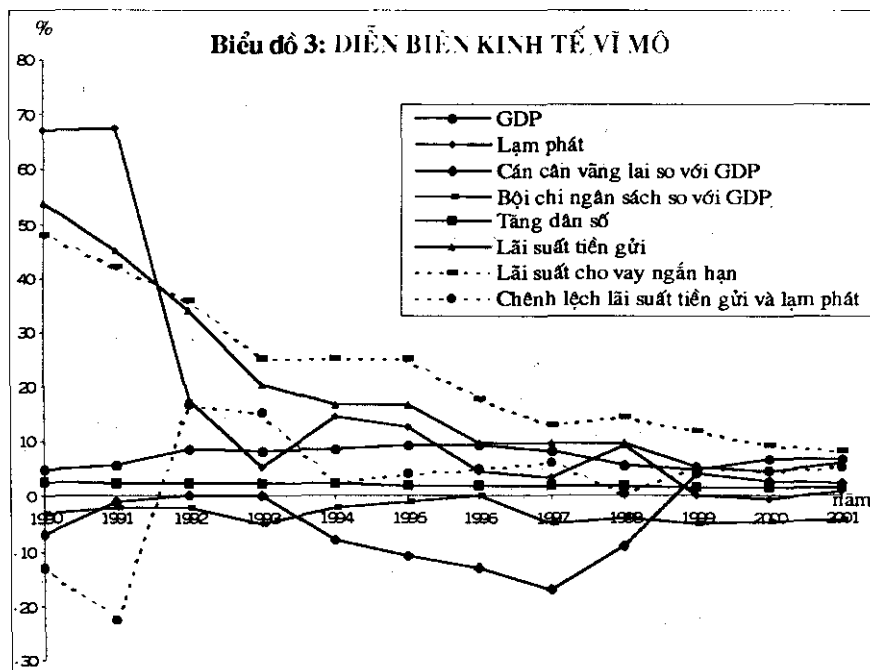
Sáu là, sau mỗi giai đoạn "nới lỏng" cơ chế điều hành lãi suất, việc huy động vốn và mở rộng cho vay của TCTD được thuận lợi hơn, người sản xuất và tổ chức kinh tế ở nông thôn được vay vốn nhiều hơn do khối lượng vốn chuyển về đầu tư cho khu vực nông thôn tăng lên (tín dụng đối với khu vực nông thôn 05 năm gần đây tăng bình quân 23 - 25%/năm, lớn hơn mức bình quân chung).

Bảy là, ngân sách Nhà nước có điều kiện huy động được tối đa nguồn lực trong nước để bù đắp thâm hụt, thay vì đi vay nước ngoài quá lớn hoặc sử dụng tiền phát hành.

Như vậy, với điều kiện kinh tế - xã hội và thị trường tài chính - tiền tệ trong những năm qua, việc áp dụng cơ chế điều hành lãi suất theo hướng thị trường là bước đi thích hợp. Tuy nhiên, nhìn lại cơ chế điều hành lãi suất cơ bản thời gian qua có một số tồn tại:

- Về thực chất, cơ chế lãi suất cơ bản vẫn còn sự can thiệp hành chính của Nhà nước, thể hiện ở việc khống chế biên độ. Trên thực tế, lãi suất cho vay và huy động của TCTD ở địa bàn thành thị về cơ bản đã thực hiện theo cơ chế lãi suất thỏa thuận; đối với địa bàn nông thôn lãi suất cho vay đã sát biên độ, làm cho lãi suất nhiều khi không phản ánh đúng cung - cầu vốn thị trường, các TCTD gặp trở ngại trong việc huy động và cho vay vốn.

- Do việc khống chế biên độ làm cho các TCTD không thể phản ứng kịp thời để phòng tránh rủi ro về lãi suất và thanh khoản khi lãi suất thị trường tiền tệ trong



và ngoài nước biến động theo hướng tăng, chênh lệch lãi suất cho vay và huy động bị thu hẹp do lãi suất huy động tăng nhưng lãi suất cho vay không tăng.

- Cơ chế lãi suất có sự kiểm soát bằng công cụ hành chính không phù hợp với yêu cầu của việc phát huy và khai thác nguồn vốn nội lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, vì với tư cách là "hàng hoá", nó vận hành theo quan hệ cung - cầu, nếu lãi suất thấp việc huy động vốn sẽ khó khăn.

Những tác động tích cực của cơ chế điều hành lãi suất theo hướng thị trường và hạn chế của cơ chế lãi suất cơ bản thời gian qua cho thấy rằng việc chuyển sang thực hiện cơ chế lãi suất cho vay thỏa thuận là điều cần thiết.

4. Về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận theo Nghị quyết TW5

Cơ chế lãi suất thỏa thuận hay cơ chế lãi suất thị trường mà theo đó, lãi suất được hình thành và biến động chủ yếu do quan hệ cung - cầu vốn thị trường, sự kiểm soát lãi suất của NHNN được thực hiện thông qua việc điều hành các công cụ của chính sách tiền tệ tác động lên cung - cầu vốn để hướng lãi suất thị trường biến động phù hợp với mục tiêu của chính sách tiền tệ. Để thực hiện thành công bước chuyển đổi cơ chế này, chúng ta đã xem xét, cân nhắc một số điều kiện sau:

- Theo dự báo, kinh tế vĩ mô có chiều hướng ổn định, phát triển trong năm 2002 và vài năm tới đây, tạo điều kiện tiền đề quan trọng cho việc thực hiện cơ chế lãi suất cho vay thỏa thuận (Năm 2001, nền kinh tế tăng trưởng ở mức cao 6,8%; kế hoạch 5 năm tới GDP tăng bình quân hằng năm tối thiểu 7%, cân cân thanh toán quốc tế không bội chi; bội chi ngân sách, lạm phát, nợ nước ngoài được kiểm soát trong giới hạn an toàn...).

- Việc chuyển sang cơ chế lãi suất thỏa thuận tạo ra khả năng thuận lợi hơn cho công cuộc cải cách hệ thống ngân hàng theo định hướng thị trường. Hiện nay, NHNN có khả năng điều tiết thị trường tiền tệ thông qua các công cụ gián tiếp, cơ chế thanh tra, giám sát hoạt động của các TCTD và đang tiếp tục hoàn thiện.

- Công cuộc cải cách hệ thống NHTM đang được tiến hành thuận lợi, đảm bảo cho NHTM nâng cao đáng kể năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh, các tiêu chuẩn an toàn và khả năng hội nhập với thị trường, cộng đồng tài chính khu vực và quốc tế.

- Xu thế hội nhập và toàn cầu hoá, những cam kết quốc tế về tài chính - tiền tệ (Hiệp định thương mại Việt - Mỹ...) buộc Việt Nam phải có bước đi mở cửa thị trường tài chính, trong đó áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận là cần thiết, đóng vai trò quan trọng.

- Lãi suất ngoại tệ đã được thực hiện theo lãi suất thỏa thuận từ tháng 6/2001, cần phải thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận VND để cung - cầu vốn thị trường điều chỉnh 2 loại lãi suất này sao cho tìm được một điểm cân bằng, giá trị và sức mua VND mới được phản ánh đúng.

Tuy nhiên, khi chuyển đổi cơ chế lãi suất thời gian qua, chúng ta đã lường trước một số khó khăn có thể xảy ra và chủ động có giải pháp xử lý các tình huống phát sinh, đó là:

- Lạm phát 5 tháng đầu năm 2002 là 2,8%, có thể dự báo cả năm có khả năng vượt chỉ tiêu 3% - 4% Quốc hội đề ra, tác động làm tăng nhẹ lãi suất thị trường.

- Ở khu vực nông thôn, cầu vốn tín dụng thường lớn hơn cung (huy động vốn tại các địa phương mới đáp ứng khoảng 50% nhu cầu), lãi suất cho vay ở khu vực này đã sát biên độ, khi thực hiện cơ chế thỏa thuận, lãi suất cho vay có thể tăng, sẽ có phản ứng không thuận lợi từ

một số địa phương.

- Thị trường bất động sản, thị trường ngoại hối không chính thức biến động khá "thất thường", ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường tiền tệ.

- Theo các dự báo trong những tháng tới đây lãi suất thị trường quốc tế đứng ở mức như hiện nay hoặc tăng nhẹ, cộng với chiều hướng tăng của tỷ giá VND/USD có thể tạo áp lực làm tăng lãi suất VND.

Đó là những khó khăn đã được dự báo và thực tiễn hai tháng qua thị trường đã có một số diễn biến xa với dự báo đang tiếp tục được theo dõi. Để thực hiện có hiệu quả cơ chế lãi suất cho vay thỏa thuận trong những tháng tiếp theo, xin đề xuất các giải pháp theo hướng NHNN tiếp tục chủ động thực hiện các biện pháp để tránh hoặc giảm thiểu biến động theo chiều hướng bất lợi của lãi suất thị trường:

Thứ nhất: Làm tốt việc giải thích, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân và tổ chức kinh tế hiểu rõ sự cần thiết và tác dụng của việc TCTD cho vay theo lãi suất thỏa thuận.

Thứ hai: Yêu cầu các TCTD tiếp tục đơn giản hoá thủ tục, mở rộng cho vay để người sản xuất và tổ chức kinh tế, nhất là ở khu vực nông thôn thấy được lợi ích của việc áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận là họ được vay vốn thuận lợi hơn.

Thứ ba: Chủ động dự báo chiều hướng biến động của lãi suất thị trường, các tình huống có thể phát sinh và áp dụng các biện pháp thích hợp để định hướng lãi suất thị trường biến động phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô.

Thứ tư: củng cố các thiết chế thị trường tiền tệ để có quy mô đủ lớn, phản ánh đúng tình hình cung - cầu vốn thị trường, để NHNN có thông tin chính xác và tác động kịp thời đối với thị trường tiền tệ. ■